

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 02 – 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Ông Trương Công Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Phạm Thu L**, sinh năm: 1986

HKTT: 79/1A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: 62/C3, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Khánh H**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 79/1A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Chị L và anh H đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Phạm Thu L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phạm Thu L và anh Trần Khánh H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau được khoảng 01 năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2007. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với cha mẹ đẻ anh H tại số 79/1A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm nhau. Anh H không tu chí làm ăn lo cho vợ con, thường hay tụ tập bạn bè chơi đá gà ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị L đã nhiều lần góp ý tuy nhiên anh H không thay đổi thậm chí còn lớn tiếng chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị L. Mặt khác, anh chị thường hay bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính trong gia đình, có lần sau khi vay tiền ngân hàng để đáo hạn thì anh H tự ý giữ hết tiền bạc để tiêu xài cá nhân, khi chị L hỏi thì anh H xúc phạm chị, thậm chí còn đánh chị L (việc anh H đánh đập chị L không để lại thương tích nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nhưng chị L không báo với chính quyền địa phương vì sợ các con xấu hổ và thực tế mâu thuẫn như thế nào chị khai vậy chứ không có người làm chứng. Từ cuối năm 2017, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và hai con đã về nhà cha mẹ đẻ tại ấp Đ, xã Gia Tân 2 để sinh sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Thỉnh thoảng anh H có ghé thăm con và tìm gặp chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Khánh H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bùi Khánh N, sinh ngày: 19/5/2008 và cháu Trần Bùi Khánh D, sinh ngày: 05/01/2011. Khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tạm thời chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay nghề nghiệp chị L làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Con chung hiện sống cùng chị L.

- **Về tài sản:** Chị Bùi Phạm Thu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung, nợ riêng:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trần Khánh H:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 bị đơn anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 năm và tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2007. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh H.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại gia đình anh H tại địa chỉ 79/1A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, giữa anh chị thường hay cãi nhau về vấn đề chi tiêu tài chính trong gia đình. Vào khoảng cuối năm 2017, chị L kiếm chuyện gây gổ về tiền bạc với anh H và lấy lý do về nhà cha mẹ đẻ sinh sống một thời gian cho thoải mái nên đã dọn hết đồ đạc trong nhà và dẫn theo hai con chung bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2 để sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung nhà với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Bản thân anh H cũng đã gặp và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L không về. Nay chị L yêu cầu ly hôn, tình cảm của anh đối với chị L

không còn tuy nhiên bản thân theo đạo thiên chúa, việc ly hôn là lỗi đạo nên anh H không đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bùi Khánh N, sinh ngày: 19/5/2008 và cháu Trần Bùi Khánh D, sinh ngày: 05/01/2011.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay nghề nghiệp của anh làm rẫy, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phạm Thu L được ly hôn với anh Trần Khánh H; Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Khánh N, sinh ngày: 19/5/2008 và cháu Trần Bùi Khánh D, sinh ngày: 05/01/2011 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Khánh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Bùi Phạm Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Trần Khánh H hiện đang cư trú tại 79/1A, ấp Đông Kim, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Phạm Thu L và anh Trần Khánh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2007. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị L và anh H là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị L trình bày thời gian vợ chồng chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2010. Vợ chồng thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống hôn nhân, anh H không lo lắng, quan tâm đến gia đình mà ham chơi đá gà dẫn đến nợ, còn đánh chị, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị L và hai con phải bỏ về nhà cha mẹ để chị L sống từ năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu về kinh tế, tiền bạc và cách tính toán làm ăn trong gia đình, anh H không rõ lý do chị L bỏ nhà ra đi, anh xác định không còn tình cảm với chị L vì anh đã đến gặp xin lỗi và khuyên chị L nhiều lần nhưng chị L vẫn không đồng ý quay về đoàn tụ sống chung cùng anh H nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh theo đạo công giáo.

Qua xác minh tại ban ấp Đông Kim, xã Gia Kiệm và tại Công an xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất đều không nắm được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh H. Ban ấp chỉ nắm được thông tin là hiện nay chị L và anh H không còn sống chung nhà với nhau.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy chị L, anh H đều có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh H đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị L và anh H chung sống có 02 con chung là Trần Bùi Khánh N, sinh ngày: 19/5/2008 và Trần Bùi Khánh D, sinh ngày: 05/01/2011. Hiện hai con chung đang sống cùng chị L. Ý kiến của chị L và anh H thống nhất thỏa thuận về việc chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung sau ly hôn. Xét thấy, chị L đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng

con chung, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các con trên 07 tuổi. Vì vậy xét cần giao 02 (hai) con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Phạm Thu L về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Phạm Thu L được ly hôn với anh Trần Khánh H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Bùi Khánh N, sinh ngày: 19/5/2008 và cháu Trần Bùi Khánh D, sinh ngày: 05/01/2011 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Khánh H do chị L không yêu cầu.

Anh Trần Khánh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Phạm Thu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009014 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Phạm Thu L và anh Trần Khánh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Kiệm, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 52/KH quyền số 01/2007 ngày 11/5/2007);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

